

ĐỀN THAM QUAN CÁC DI TÍCH, CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC THUỘC TÍN NGƯỠNG TÂM LINH TRONG TỈNH; CHÚNG TA THƯỜNG GẶP CÁC TƯỢNG THỜ, DI VẬT VỚI NHIỀU ĐỂ TÀI VÀ LOẠI HÌNH, LOẠI THỂ KHÁC NHAU BẰNG NHIỀU CHẤT LIỆU, KIỂU DÁNG, MÀU SẮC VÀ KỸ THUẬT ĐIỀU LUYỆN TINH XẢO TỪ BÀN TAY NGHỆ NHÂN CỦA NHIỀU NGÀNH NGHỀ KHÁC NHAU. CŨNG TỪ ĐÂY NGƯỜI TA GỬI GẮM TÂM TƯ; SỰ TÔN KÍNH CỦA NGƯỜI XƯA VÀ CỘNG ĐỒNG VÀO TỪNG DI VẬT THỜ TỰ - TRANG TRÍ; ĐƯỢC XẾP ĐẶT HÀI HÒA HỢP LÝ VÀ SINH ĐỘNG, TẠO CHO NGÔI THỜ VỪA TRANG TRỌNG, TÔN NGHIÊM VỪA THỂ HIỆN TÍNH THẨM MỸ CAO.



Nghệ thuật trang trí

THỜ TỰ - DI VẬT Ở DI TÍCH

▲ DƯƠNG ÁI DÂN

a. Bên ngoài: Từ ngoài nhìn vào ngôi thờ sẽ có các di vật ở trên mái.

- *Tượng tròn*: Lưỡng long (triều Dương, triều Nguyệt, tranh châu) màu men xanh ngọc ở trên đường bờ nóc; các tượng ông nhật, bà nguyệt (người đứng cầm gương tròn), lân mẫu lân con, cá hóa long, bát tiên, truyện tích xưa, vân mây, dây hoa lá cách điệu hình rồng, phượng, bánh xe pháp luân, bát quái...

- *Mặt tiền*: Trang trí liền đối chữ Hán nổi hay chìm theo hàng cột, bát quái, cuốn thư, hổ phù (mặt hổ), ngũ phúc, đôi ngậm vòng tròn, dây hoa lá, hoa văn hình học, ô vuông... Diềm mái hình tròn, lá dẻ gổm đỏ, xanh...

b. Bên trong: Tiền đường, hậu đường (Chính điện, Võ qui, võ ca, hậu tổ...)

- *Hình tượng thờ*: Được tôn kính, trân trọng nhất trong ngôi thờ, trên bậc cao; tạo hình nguyên khối tượng phật, tiên, thánh, thần: Phật A Di Đà ngự tòa sen, hai bên là bồ tát Thế chí và Quan Âm ngồi hay đứng trên tòa sen; Phật Thích ca ngồi kiết già trên tòa sen, hai bên là bồ tát Phổ Hiền, cỡi voi trắng và Văn thù cỡi sư tử xanh; Phật Di Lạc, Ngọc Hoàng mặc hoàng bào, đội mũ bình thiên ngồi trên ngai, hai bên Nam tào, Bắc đẩu; Thích ca sơ sinh; và các nghi thờ: Quan Âm tịnh bình, Quan Âm Chuẩn đề, Quan Thánh Đế Quân hai bên là Châu Xương, Quan Bình,

Chuẩn đề, Địa tạng; 18 La Hán (ky thú); Thập Điện Diêm Vương; Kim Cang; Tứ Thiên Vương; Hộ Pháp; Ngũ hành nương nương; Thiện Hữu, Ác Hữu (ông Thiện, ông Ác), ông Tiêu diên, Đạt Ma tổ sư; Các vị phối thờ: Thần Nông, Bà Thiên Hậu; Bà Chúa Xứ, Sơn Thần, Thổ Địa,... Chùa phật phái Tiểu thừa chỉ thờ tượng phật Thích ca tọa đài sen; trên tường chung quanh trong chính điện vẽ tranh về sự tích Phật Thích Ca.

- *Bàn thờ chính thần*: Trên cao thờ linh (bài) vị vẽ lớn chữ Hán tự "Thần" hoặc có thêm bài vị gỗ chạm khắc rồng, phụng... sơn son thếp vàng chữ Hán nổi. Cũng có nơi bày cỗ ngai chạm khắc đẹp sơn son để thờ, hộp kiếng để áo mũ, kiếm thờ; chỉ có đình thần Châu Phú có thêm tượng Lê thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh tôn thần ngồi trên ngai, mặc giáp đội mũ và tượng hai quan đứng hầu.

- *Bàn thờ khác*: Phối thờ Tả ban, Hữu ban thờ các thần cận vệ Thành Hoàng. Tiền hiền, Hậu hiền thờ các vị có công với làng, khai phá, dựng nghiệp "Tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ", Ngũ hành, Bạch mã thái giám, Tiền hương chức, hậu hương chức (tiền vãng, hậu vãng)...

- *Trống cái*: treo trên giá gỗ, thân trống bằng gỗ nguyên khối hay nhiều thanh ván nhỏ ghép lại sơn son, bịt da trâu hai đầu, mặt trống vẽ biểu tượng âm dương (vòng tròn nửa trắng nửa đen).

- *Đại hồng chung*: treo trên giá đỡ, chuông lớn bằng đồng nhiều kích thước, quay treo hình rồng, nùm

nổi hình tròn có các chữ Hán (xuân, hạ, thu, đông), thân có khắc bài minh hay không.

- *Mô gỗ lớn*: đặt nằm trên giá đỡ cao; là một khúc cây tròn dài khoét rỗng ruột, sơn đỏ.

- *Chiêng đồng*: hình tròn, giữa có núm.

- *Khánh*: bằng kim loại treo trên giá cao, hình dạng gần như trăng khuyết, mặt có núm hình mặt trời và tia sáng cách điệu, viền lưới trang trí hồi văn sóng nước, lưng uốn nhô cao thành quay treo.

- *Liên đới*: là những tấm gỗ hình chữ nhật kích thước lớn, nhỏ và khá cao tùy theo chiều dài, rộng của hàng cột treo liên. Khắc chạm liên cột, treo hoặc ốp cột. Nội dung là cặp câu đối chữ Hán Nôm khắc nổi, chìm, cẩn ốc... sơn son thếp vàng, bảng đỏ chữ vàng, đen...

"Đức đại an dân thiên cổ tại

Công cao hộ quốc vạn niên trường."

(Đức lớn yên dân ngàn thuở thịnh

Công cao giữ nước vạn năm dài.)

"Chuông sương kêu gọi hồn kim cổ

Lầu gió đi về bóng sắc không"

"Anh linh thiên cổ tại - Hương quả tứ thời xuân".

(Anh linh nghìn thuở tại - Hương quả bốn mùa xuân)

"Thánh ân trì xã tắc - Mẫu đức hộ lê dân".

(Ơn thánh gìn giữ nước - Đức mẫu chở che dân)



"Tiền hiền sáng tạo lưu hậu thế - Hậu hiền tu bổ
vĩnh thiên niên".

(Đời trước khai sáng truyền hậu thế - Đời sau tu
bổ mãi nghìn năm...)

- *Hoành phi*: hình chữ nhật chạm khắc, sơn son thếp vàng, cẩn ốc, vẽ kiếng treo nằm ngang trên thanh xà; chữ Hán nôm hoặc quốc ngữ: "Đức lưu phương", "Đức lưu quang", "Quốc thái dân an", "Phong điều vô thuận", "Phật quang phổ chiếu", "Phật nhật tăng huy", "Phật pháp vô biên", "Đàm kinh nhập diệu (đọc kinh thấy lý)", ...

- *Tranh vẽ kiếng*: Sơn thủy phong cảnh: làng quê, nhà phố, sơn thủy, phúc lộc thọ, ngư, tiều, canh, mục, diều cầm...

- *Bao lam* (cửa võng): chạm khắc công phu, mỹ thuật cao, đẹp, bố trí cố định ở hàng cột ngang trước gian thờ chính điện và hai bên gian thờ tả ban, hữu ban; các hình tượng khắc chạm ở bao lam khá đa dạng: Tứ linh long lân qui phụng, lưỡng long triều nguyệt (châu mặt trăng), lưỡng long tranh châu, lục long ngư thiên (6 rồng bay về trời), ngũ phụng hàm thư (5 con phụng ngậm tờ thư), ngũ phúc (năm con dơi), phù dung - trĩ (hoa phù dung - chim trĩ), mai diểu (cành mai và chim), hoa mẫu đơn - chim trĩ, Tùng, trúc, mai, đào, Tùng - lộc (nai), mai - trúc hóa long (Lão thụ hóa rồng),...

- *Lỗ bộ*: thường có cán tròn sơn son, dài như vũ khí thật, là nghi tượng biểu hiện quyền lực của thần thánh, làm tăng thêm vẻ uy nghiêm nơi thờ tự (Nghi tượng quan lại xưa khi đi lại). Có hai loại lỗ bộ:

+ Loại bằng gỗ sơn son có 8 cặp: đầu tiên là cặp biển khắc chữ Hán Nôm "Tĩnh Túc và hồi ty" để mọi người biết và nghiêm tránh đường; Một cặp Phủ Việt (búa, rìu vàng) tượng trưng uy quyền; một cặp Tay văn, tay võ tượng trưng tài trí; một cặp chùy; một cặp gươm tượng trưng sức mạnh; một cặp gậy đầu rồng; một cặp cờ tiết mao tượng trưng ân huệ của triều đình; có nơi bày: một cặp kích, một cặp giáo, một cặp gậy, một cặp mác...(tùy nghi không quy định).

+ Loại bằng đồng thau gồm 8 cặp vũ khí: kích, đinh ba, giáo (qua), xà mâu, tay văn (cầm bút lông), tay võ (nắm dấm), quạt, siêu đao, búa, rìu, mác... Còn có loại bằng đồng thau kích thước nhỏ dựng trên giá để trên bàn thờ.

- *Bát Bửu*: bộ gồm 8 món quý báu: bút, quyển sách, quạt, gươm, lẵng hoa, đàn và sáo, bầu rượu, túi thơ; hoặc quyển (pho) sách, ngọc như ý, cuốn thư, lẵng hoa, bầu hồ lô, đàn tỳ bà, quạt vả (kiểu quạt xưa - ba tiêu), phất trần...; hoặc pháp bảo của Bát tiên: Bầu gậy, quạt vả, kiếm, thủ quyển, sáo, giỏ hoa, sên, phất trần (gậy như ý).

- *Lọng, tàn*: nhưng tàn ít sử dụng. Thần thượng đẳng 4 lọng vàng, có 20 bông bèo và chóp thép vàng. Thân trung đẳng 4 lọng vàng kết 16 bông bèo. Thân hạ đẳng 4 lọng xanh kết 12 bông bèo (điều này không được các nơi thực hiện nghiêm). Cán, kèo bằng gỗ hoặc kim loại, phủ vải thêu nhiều hoa văn màu.

- *Đôi hạc*: đứng lưng qui cao to bằng gỗ sơn giả đá trắng, mỏ đỏ. Ngày nay, thường bằng xi măng đứng cặp bên bàn nghi nội. Ngoài ra cũng có loại nhỏ bằng đồng thau, mỏ ngậm bông sen cắm đèn cây để trên bàn thờ.

- *Hòm sắc, ống sắc thần*: để sắc thần, gỗ sơn son hình chữ nhật, phủ vải đỏ.

- *Sắc thần*: sắc chỉ các đời vua phong thần, bằng lụa vàng in hoa văn, họa tiết đẹp; viết chữ Hán, và ngày tháng năm cấp sắc, đóng ấn vua "Sắc mạng chi



Chính điện: Hoành phi, liễn đối, lổ bộ, bộ lư đồng. Ảnh A.D

bảo"; ngoài ra, có khi là các tờ lệnh, bằng cấp viết trên giấy dó của quan trên cấp cho nhân thần khi còn sống thi hành nhiệm vụ, sau mất được phong thần; hoặc do nhân dân tôn thần để thờ.

- *Hộp kiếng*: để mào áo, hia, gương thờ.
- *Bộ Lư* (đồng, gỗ, sành): Bộ Tam sự (Lư hương đốt trầm, có nắp đậy trên gắn tượng lân và hai chân đèn). Bộ Ngũ sự (1 lư hương trầm, 2 chân đèn và thêm 2 ống cắm nhang - hình lọ hoa). Nhiều kích thước lớn, nhỏ.

- *Bát hương* (đồng, sứ, gốm men): cắm nhang.
- *Chò chân vạc*: bằng gỗ để đĩa ngũ quả dâng cúng.
- *Dinh cắm nhang*: ba chân bằng đồng, còn có loại lớn bằng đá hay xi măng có quai trên miệng dùng cắm nhang đặt ở hiên trước sân hoặc bên trong trước bàn thờ chính để thắp nhang dâng cúng, nơi có lượng khách đông.

- *Độc bình*: cắm hoa, bằng gốm men, hay đồng thau nhiều kiểu dáng, kích thước to nhỏ,

- *Khay gỗ*: trên để ba cái dĩa giữa ly rượu, hai bên chén nước và đĩa trầu cau.

- *Mỗ nhỏ*: bằng gỗ mít, hình gần tròn có quai trơn hoặc chạm hình cá.

- *Chuông đồng gia trì*: dùng gỗ nhíp khi tụng kinh, bái lạy.

- *Long đình*: chạm khắc gỗ, sơn vecni.

- *Tượng ngựa* (trắng, hồng)

- *Giá võng*.

- *Giường thờ*: gỗ chân quỳ chạm trở tinh xảo, sơn vec ni, trên bày: gối vải, gối sành, bộ đồ trà (kỷ trà), khai trầu, quạt vải thêu...

* Ngoài ra chúng ta còn thấy các hoa văn trang trí khác:

- *Dây*: văn thừng, khuyên tròn, liên tiền (dây tiền đồng), chuỗi hạt, chấm gạch; - *Hình học*: vuông, tròn, tam giác, hình thoi,... - *Hoa lá*: hoa mai, hoa thị, mẫu đơn, hoa hồng, hoa gương sen...-Hồi văn, vân mây, hý thủy (phun nước) và các chữ Hán Nôm Phúc, Lộc, Thọ....

- *Động, thực vật*: Tuế hàn tam hữu (tùng - trúc - mai); Tứ quý (mai - sen, cúc - trúc), Tứ hữu (Mai - lan - cúc - trúc); hoa mẫu đơn - trĩ; mẫu đơn - phụng; hoa hồng - điểu; hoa cúc - điệp (bướm), hoa mai - điểu; trúc - tước; đào - lộc; cúc - trĩ; tùng - hạc; tùng - lộc; cá hóa long; Tứ linh (long - lân - qui - phụng); long - phụng...

Nhìn chung, chủ đề trang trí - thờ tự - di vật ở di tích được thể hiện theo mô típ trùng hợp hoặc khác nhau từ thời kỳ xây dựng công trình và được phát triển bổ sung thêm của người sau; mà có nơi di vật nhiều, có nơi ít; từ đó tạo thành giá trị, đặc thù riêng của từng nơi. Đây còn là những kỳ vọng của người xưa gửi gắm điều mong ước, sự tôn vinh, kính trọng thần phật và cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, ruộng vườn xanh tốt, cuộc sống gia đình, xóm làng và cộng đồng được sự chở che, gặp nhiều điều tốt đẹp, an lành, thời vận hanh thông, thịnh vượng, ấm no, hạnh phúc./.

D.A.D

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- 3000 Hoành phi Câu đối Hán Nôm, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002.
- Sơn Nam, Đình Miếu và Lễ hội dân gian, NXB TH. Đồng Tháp, 1994.
- Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường, Đình Nam Bộ Xưa và Nay, NXB Đồng Nai, 1999.
- Nhiều tác giả, Hồi và Đáp về Văn hóa Việt Nam, NXB Văn hóa Dân Tộc - Tạp chí VHNT, Hà Nội, 1999.
- Trường Đại học Văn Hóa TP. Hồ Chí Minh, Di Sản Văn hóa Bảo tồn và Phát triển, NXB Đại học Công nghiệp, TP, HCM, 2011.